

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST  
Ngày: 24-5-2023  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Hùng

Ông Lê Thành Chì

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST – DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Trung K, sinh năm 1988

ĐKTT: Khu phố HP, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: 280/1 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990 nơi cư trú ấp MN, xã NĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 145/6 ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

Ông Trịnh Trung K có mua bán thức ăn thủy sản và vật tư nuôi thủy sản, đặt bảng hiệu là Cửa hàng thức ăn thủy sản Hải Phong. Việc buôn bán là nhỏ lẻ, đặt hàng mua từ đại lý rồi sang lại cho người trực tiếp nuôi thủy sản nên ông Trịnh Trung Kiên không có đăng ký kinh doanh.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020 ông Trịnh Trung K có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Phạm Văn Đ, việc nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì ông Đ trả tiền. Đến ngày 16/6/2020 hai bên thống nhất lập bảng xác nhận công nợ, theo đó xác nhận ông Phạm Văn Đ còn nợ tổng số tiền là 120.807.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Ông Trịnh Trung Kiên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông K số tiền nợ là 120.807.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi chậm trả từ thời điểm khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức thì suất theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83% tháng. Tính từ thời điểm khởi kiện ngày 24/10/2022 (lấy ngày 24/10/2022 để tròn tháng) đến ngày xét xử là 24/5/2023 là 07 tháng x 0,83%/tháng x 120.807.000 đồng = 7.018.886 đồng (bảy triệu, không trăm mười tám ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng). Tổng cộng là 127.825.886 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng).

*\* Bị đơn ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông Phạm Văn Đ không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Trung K số tiền còn nợ là 120.807.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu tám trăm lẻ bảy ngàn đồng) và tiền lãi chậm trả từ thời điểm khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/ tháng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trịnh Trung K vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn ông Phạm Văn Đ có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N có đơn đền N2 xét xử vắng mặt. Tòa án xử xét xử vắng mặt ông Đ và bà N là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Khi khởi kiện ông Trịnh Trung K có cung cấp cho Tòa án bảng theo dõi công nợ thể hiện ông Phạm Văn Đ có nợ số tiền 120.807.000 đồng. Nội dung bảng theo dõi công nợ ông Đ ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, giấy chứng minh nhân dân, nơi cư trú và số tiền nợ và ký xác nhận nợ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Phạm Văn Đ không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn thủy sản và vật tư nuôi thủy sản giữa ông Trịnh Trung K và ông Phạm Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Bị đơn ông Phạm Văn Đ quá trình tố tụng vắng mặt không có bản khai, ý kiến trình bày với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp giải quyết vụ án. Do ông Phạm Văn Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ông Trịnh Trung K khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi chậm trả là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Trung K được chấp nhận, nên ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự có giá ngạch là 6.391.294 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 227, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Trung K.**

Buộc ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Trung K số tiền 127.825.886 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng) [*Trong đó 120.807.000 đồng tiền gốc và 7.018.886 đồng tiền lãi*]

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ chịu 6.391.294 đồng (Sáu triệu, ba trăm chín mươi một ngàn hai trăm chín mươi một đồng).**

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.020.000 đồng (Ba triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng) cho ông Trịnh Trung K (do Võ Thị Thúy N1 nộp thay) theo biên lai thu số 0000784 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

**3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.**

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Đặng Văn Phương**